

SỰ THỂ HIỆN CỦA TÌNH THÁI HÓA QUA PHỤ NGỮ TÌNH THÁI TRONG CÁC BÀI PHÁT BIỂU BẰNG TIẾNG ANH TẠI LỄ TỐT NGHIỆP: PHÂN TÍCH THEO QUAN ĐIỂM NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG REALIZATION OF MODALIZATION THROUGH MODAL ADJUNCTS IN ENGLISH COMMENCEMENT ADDRESSES: A SYSTEMIC FUNCTIONAL ANALYSIS

TRƯƠNG THỊ ANH

(Ths; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: M. A. K. Halliday's Systemic Functional Grammar theory of modality is used to investigate the realization of modalization by using modal adjuncts in five English commencement addresses. Modalization is realized through ten categories of modal adjuncts. Among them, usuality, intensity, and time adjuncts are employed most frequently in the chosen speeches.

Key words: modalization; modal adjunct; systemic functional grammar.

1. Dẫn nhập

Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic functional grammar) được giới thiệu lần đầu tại Anh năm 1958 và sau đó tại Úc năm 1994 bởi Michael Alexander Kirkwood Halliday (M. A. K. Halliday). Lí thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống nghiên cứu ngôn ngữ trong một mạng lưới hệ thống mà ý nghĩa được tạo ra thông qua sự những sự lựa chọn có liên hệ chặt chẽ với nhau. Thuật ngữ *chức năng* dùng để nói đến quan điểm của Halliday về việc ý nghĩa của ngôn ngữ chứa đựng ba thành phần siêu chức năng là: ý nghĩa tư tưởng (ideational), ngôn bản (textual), và liên nhân (interpersonal). Trong số ba thành phần trên, siêu chức năng liên nhân là sự thể hiện của việc lựa chọn các công cụ ngữ pháp của người nói nhằm tạo ra các mối quan hệ giữa người nói và người nghe. Sự vận dụng tốt siêu chức năng này của ngôn ngữ sẽ tạo ra cho ngôn bản có được hiệu quả tích cực trong việc thiết lập mối quan hệ liên nhân phức tạp và đa dạng giữa người tạo ra ngôn bản và người tiếp nhận ngôn bản. Công cụ ngữ pháp tạo ra mối liên nhân đó có thể phong phú song một trong những công cụ hiệu quả nhất phải kể đến là tình thái (modality) nói chung hay tình thái hóa (modalization) nói riêng.

Với mong muốn tìm hiểu về siêu chức năng liên nhân, tác giả của bài báo đã nghiên cứu về sự thể hiện của tình thái thông qua các phụ ngữ tình thái trong năm bài phát biểu tại các lễ tốt nghiệp của các diễn giả nói tiếng Anh nổi tiếng là Steve Jobs (2005), Bill Gates (2007), Barbara Kingsolver (2008), J. K. Rowling (2008) và Barack Obama (2009). Những bài phát biểu này được lựa chọn là do chúng đều đã được hưởng ứng rất mạnh mẽ bởi các sinh viên tại các trường đại học mà các diễn giả được mời tới phát biểu. Góp phần tạo nên sự thành công cho các bài phát biểu ấy hẳn phải do cách sử dụng ngôn ngữ vô cùng khéo léo và linh hoạt của các diễn giả. Chính công cụ ngôn ngữ mà họ lựa chọn đã tạo ra sợi dây vô hình gắn kết họ với người nghe. Theo quan điểm của tác giả bài viết này thì sợi dây ấy được tạo ra chính bởi mối liên hệ liên nhân và quan trọng là được thể hiện qua tình thái hóa.

Nghiên cứu này tập trung trả lời câu hỏi: tình thái hóa được thể hiện như thế nào thông qua các phụ ngữ tình thái trong năm bài phát biểu của các diễn giả nói tiếng Anh dựa trên quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống?

2. Một vài khái niệm quan yếu

2.1. Tình thái và tình thái hóa

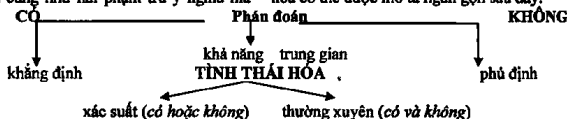
Trước hết cần phải chỉ ra rằng khái niệm tình thái (modality) và tình thái hóa (modalization) theo quan điểm của M.A.K Halliday là các khái niệm khác nhau. Hai thuật ngữ tiếng Việt được dùng ở đây cũng như nhiều thuật ngữ khác như phụ ngữ tình thái, tác từ tình thái hữu định,... được tác giả bài viết tham khảo bản dịch của Hoàng Văn Vân.

Theo Halliday (1994), tình thái là đánh giá của người nói về các khả năng hoặc sự bắt buộc trong điều mà anh ta nói. Tình thái thể hiện những sự lựa chọn trong ngôn ngữ và những lựa chọn ấy nằm giữa hai cực "có" và "không". Chúng bao gồm toàn bộ các mức độ trung gian nằm giữa hai cực ấy.

Trong ngữ pháp chức năng hệ thống, tình thái (modality) được chia ra thành tình thái hóa (modalization) và biến thái (modulation) dựa theo hai loại hoạt động giao tiếp mà chúng liên quan cũng như hai phạm trù ý nghĩa mà

chúng thể hiện. Phạm trù ý nghĩa đầu liên quan đến phán đoán (proposition) và cái sau liên quan đến khiến nghị (proposal). Khi hoạt động giao tiếp hướng tới là đề trao đổi thông tin thì có thể hiện hình thức một phán đoán. Còn khi hoạt động giao tiếp hướng tới là đề nghị hoặc yêu cầu tức là khi đó một hành động nào đó cần phải được thực hiện thì có thể hiện hình thức một khiến nghị.

Tình thái hóa phản ánh đánh giá của người nói đến khả năng xảy ra của các phán đoán. Halliday (1994) tiếp tục phân tách tình thái hóa thành hai mức độ khác nhau là: các mức độ xác suất (có thể/ rất có thể/ chắc chắn) và các mức độ thường xuyên (thỉnh thoảng/ thường thường/ luôn luôn). Các mức độ xác suất tương đương với có (khẳng định) hoặc không (phủ định) trong khi các mức độ thường xuyên tương ứng với có và không. Tình thái hóa có thể được mô tả ngắn gọn sau đây:



2.2. Phụ ngữ tình thái

Theo Halliday, tình thái hóa được thể hiện chủ yếu qua tác từ tình thái hữu định (động từ tình thái) và phụ ngữ tình thái. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, tác giả tập trung vào các nhóm phụ ngữ tình thái có thể được sử dụng để thể hiện tình thái hóa.

Halliday (1994, tr. 49) định nghĩa phụ ngữ tình thái là "phụ ngữ diễn tả sự đánh giá của người nói liên quan đến sự phù hợp của thông điệp." Các phụ ngữ tình thái được phân chia thành hai loại chính là *thức* và *biện luận*. Tất cả các loại trên được tổng hợp trong bảng sau:

Loại	Kiểu	Ý nghĩa	Ví dụ
Thức	xác suất	khả năng như thế nào?	probably (khả năng), possibly (có thể), certainly (chắc chắn), perhaps (có lẽ)
	thường xuyên	thường xuyên như thế nào?	usually (thường), sometimes (thỉnh thoảng), always (luôn luôn), (n)ever (không bao giờ/bao giờ)
	diễn hình	diễn hình như thế nào?	occasionally (thỉnh thoảng), generally (nhìn chung), regularly (thường xuyên), for the most part (phần nhiều)
	sẵn sàng	sẵn sàng như thế nào?	willingly (tình nguyện), readily (sẵn sàng), gladly (hân hạnh), certainly (chắc chắn), easily (dễ dàng)
	bắt buộc	bắt buộc như thế nào?	definitely (đứt khoát), absolutely (tuyệt đối), at all costs (bằng mọi giá), by all means (bằng mọi cách)
	thời gian	khi nào?	yet (chưa), still (vẫn), already (đã), once (có lần)
	rõ ràng	rõ ràng như thế nào?	of course (đĩ nhiên), surely (hiển nhiên), obviously (rõ ràng)

	cường độ	cường độ như thế nào?	just (chỉ), even (thậm chí), actually (thực ra), in fact (thực tế)
	mức độ	ở mức độ nào?	quite (khá khá), almost (hầu như), scarcely (hiếm khi), absolutely (hoàn toàn)
Bình luận	quan điểm	tôi nghĩ	in my opinion (theo quan điểm của tôi), to my mind (theo cách nghĩ của tôi)
	công nhận	tôi công nhận	frankly (nói thẳng ra), to be honest (nói thực)
	thuyết phục	tôi đảm bảo với bạn	really (thực đấy), believe me (hãy tin tôi)
	thỉnh cầu	tôi yêu cầu bạn	please (làm ơn), kindly (một cách trân trọng)
	giả định	tôi cho là	evidently (hiển nhiên), presumably (có thể đoán chừng)
	mong muốn	mong muốn như thế nào?	(un)fortunately (may mắn/ không may), regrettably (thật đáng tiếc), hopefully (hy vọng là)
	bảo lưu	tin cậy như thế nào?	at first (lúc đầu), tentatively (ướm thử), provisionally (một cách tạm thời), looking back on it (nhìn lại nó)
	thăm định	hợp lí như thế nào?	broadly speaking (nói rộng ra), in general (nhìn chung)
	đánh giá	nhạy cảm như thế nào?	(un)wisely (khôn ngoan/không khôn ngoan), understandably (có thể hiểu được), foolishly (ngu xuẩn)
	dự đoán	được chờ đợi như thế nào?	to my surprise (trước sự ngạc nhiên của tôi), as expected (như dự đoán), by chance (tình cờ)

Bảng 1. Phụ ngữ tình thái (Halliday, 1994, tr. 49, 82, 83)

3. Kết quả phân tích ngữ liệu

Sau khi phân tích năm bài phát biểu đã chọn, kết quả cho thấy không phải tất cả các kiểu phụ ngữ tình thái liệt kê trong bảng 1 đều được vận dụng để thể hiện tình thái hóa. Trên thực tế, mười kiểu phụ ngữ tình thái đã được sử dụng để hiện tình thái hóa. Dưới đây là bảng tổng hợp số lượng cụ thể từng kiểu phụ ngữ tình thái xuất hiện trong từng bài phát biểu.

Bài phát biểu		Steve Jobs	Bill Gates	Barbara Kingsolver	J. K. Rowling	Barack Obama	Tổng
Kiểu phụ ngữ tình thái							
1	thường xuyên	13	13	4	19	10	59
2	cường độ	8	19	8	6	17	58
3	thời gian	8	5	11	8	13	45
4	xác suất	7	2	4	1	4	18
5	mức độ	5	2	2	2		11
6	công nhận	1	1		3	1	6
7	bổn phận			1		1	2
8	quan điểm				1		1
9	thuyết phục			1			1
10	rõ ràng				1		1
	Tổng	42	42	31	41	46	202

Bảng 2. Phụ ngữ tình thái trong các bài phát biểu

Bảng 2 trình bày số liệu thống kê số lần các kiểu phụ ngữ tình thái được sử dụng để thể hiện tình thái hóa trong từng bài phát biểu. Trong năm bài phát biểu được phân tích, phụ ngữ tình thái được sử dụng nhiều nhất với 46

lần trong bài phát biểu của Barack Obama. Cả hai diễn giả Steve Jobs và Bill Gates đều có số lần sử dụng các kiểu phụ ngữ tình thái như nhau là 42 lần trong mỗi bài kể trên. Trong khi đó, nhà văn J. K. Rowling có số lần sử dụng

phụ ngữ tình thái ít hơn song theo rất sát hai điển giả trên với 41 lần. Bài phát biểu có sự xuất hiện các phụ ngữ tình thái ít nhất với 31 lần thuộc về Barbara Kingsolver.

Bảng trên cũng chỉ ra mười nhóm phụ ngữ tình thái được sử dụng trong các bài phát biểu và được sắp xếp theo thứ tự tần suất xuất hiện từ cao đến thấp. Nhóm kiểu phụ ngữ dẫn đầu về tần suất được sử dụng thuộc về phụ ngữ tình thái chỉ mức độ thường xuyên, cường độ, và thời gian với số lần xuất hiện tương ứng là 59, 58, 45 lần. Trong đó, bài phát biểu của J. K. Rowling có số lượng phụ ngữ thường xuyên được sử dụng nhiều nhất là 19 lần. Cũng với con số 19 lần nhưng đó là số phụ ngữ cường độ được sử dụng trong bài diễn thuyết của Bill Gates. Số lượng phụ ngữ thời gian được sử dụng nhiều nhất 13 lần trong bài nói của Barack Obama. Những kiểu phụ ngữ tình thái xuất hiện khá hạn chế là xác suất, mức độ với tổng số 18 và 11 lần sử dụng trong cả năm bài phát biểu. Năm nhóm phụ ngữ tình thái công nhận, bổn phận, quan điểm, thuyết phục, rõ ràng được sử dụng với số lượng rất khiêm tốn với chỉ một hay vài lần xuất hiện.

Xét về độ đa dạng trong việc sử dụng các kiểu phụ ngữ tình thái, kết quả cũng chỉ ra rằng nữ điển giả J. K. Rowling là người dẫn đầu với việc bà đã dùng tới tám trên mười kiểu phụ ngữ tình thái trong bài diễn thuyết của mình. Trong khi đó, Barbara Kingsolver đã dùng bảy trên mười kiểu và Barack Obama dùng sáu trên mười kiểu. Hai điển giả - hai ông "trùm công nghệ" là Steve Jobs và Bill Gates có điểm chung khi cùng sử dụng năm trong mười kiểu phụ ngữ tình thái được liệt kê ở bảng trên.

4. Thảo luận

Trong phần này, tác giả xin được phân tích một vài ví dụ minh họa cho việc sử dụng phụ ngữ tình thái để hiện tình thái hóa trong các bài phát biểu đã chọn. Các ví dụ ấy cũng tập trung vào ba kiểu phụ ngữ tình thái được sử dụng nhiều nhất là thường xuyên, cường độ, và thời gian.

Thứ nhất, các phụ ngữ tình thái thường xuyên với mức độ từ cao, trung bình đến thấp

được sử dụng để thể hiện tình thái hóa. Đơn cử như trong bài phát biểu của Bill Gates, ông nói: "*Dad, I always told you I'd come back and get my degree*" (Bill Gates, 2007; *Bố, con vẫn luôn luôn nói với bố rằng con sẽ quay lại và lấy tấm bằng của con*). Phụ ngữ tình thái thường xuyên "always" (luôn luôn) được xếp trong nhóm từ thuộc mức độ cao và ở đây khi sử dụng, Bill Gates muốn thể hiện sự khó chịu khi ông phải nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần với cha mình về việc quay trở lại trường đại học. Ở mức độ trung bình và thấp, có thể bắt gặp "sometimes" (thỉnh thoảng) và "never" (không bao giờ) được sử dụng trong các cú sau: "*Sometimes life hits you in the head with a brick*" (Thỉnh thoảng cuộc sống giáng vào đầu bạn một viên gạch) và "*I never graduated from university*" (Tôi chưa bao giờ tốt nghiệp đại học; Steve Jobs, 2005). Khi các phụ ngữ "sometimes" hay "never" được sử dụng, tính khẳng định hay phủ định của cú không còn đạt mức tối đa. Thay vào đó, các giá trị trung gian hay tình thái hóa được thể hiện. "Thỉnh thoảng" có nghĩa là có lúc có, có lúc không. Không phải lúc nào cuộc sống cũng khó khăn nhưng đôi khi những rắc rối bất ngờ cũng có thể ập đến trong cuộc sống của mỗi người. Tương tự, "chưa bao giờ" sẽ hoàn toàn khác với "không". Steve Jobs nói "Tôi chưa bao giờ tốt nghiệp đại học" ẩn chứa thái độ của ông khi nhấn mạnh việc mình chưa từng có ý định hay ý muốn phải tốt nghiệp đại học.

Thứ hai, hai phụ ngữ tình thái cường độ được sử dụng nhiều nhất là "even" (thậm chí) và "just" (chỉ) bởi lẽ chúng lần lượt được sử dụng 19 và 17 lần trong toàn bộ năm bài phát biểu. Nhìn chung, hai phụ ngữ tình thái cường độ này được dùng để nhấn mạnh một hành động hay trạng thái và chứa đựng trong đó thái độ của người phát ngôn. Barack Obama (2009) đã nói "*I come to affirm that one's title, even a title like President of the United States, says very little about how well one's life has been led*". (Tôi khẳng định rằng một chức danh của ai đó, thậm chí là tổng thống Hoa Kỳ, cho biết rất ít về cuộc sống của người đó đã trở nên tốt đẹp như thế nào). Ở đây, không

chỉ dừng ở việc nói chung chung "chức danh của ai đó" mà Obama còn dẫn ra một ví dụ cụ thể như chức danh tổng thống Hoa Kỳ để nhấn mạnh về khoảng cách về bên ngoài với cuộc sống thực sự của mỗi người. Xét đến phụ ngữ tình thái "just" ta có thể bắt gặp trong "I'm just observing" (Tôi chỉ đang quan sát; Barbara Kingsolver, 2008). Bà muốn nhấn mạnh đến hành động đang xảy ra ở hiện tại là "quan sát" mà không kèm theo bất kì hành động nào khác.

Thứ ba, những phụ ngữ tình thái thời gian được sử dụng khá phong phú như "now" (bây giờ), "already" (đã), "just" (vừa mới),... Trong đó, "now" được sử dụng nhiều nhất. Một ví dụ cho thấy sự xuất hiện của phụ ngữ này là "I'm fine now" (Bây giờ tôi ổn; Steve Jobs, 2005). Trong tiếng Anh, việc sử dụng thời hiện tại đơn giản như trong cú này đã đủ để chỉ ra trạng thái hiện tại của chủ thể mà không cần thêm "now". Tuy nhiên, Steve Jobs vẫn sử dụng phụ ngữ tình thái này để khẳng định trạng thái mang tính tạm thời chứ không mang tính dài lâu. Có thể "bây giờ" thì ông ấy cảm thấy ổn, song một lúc nào đó ở cuộc sống hiện tại trạng thái ấy sẽ không còn được duy trì. Nói đến hai phụ ngữ tình thái thời gian "already" và "just" thì bản thân chúng đã có sự khác biệt về mặt ý nghĩa. "Already" được dùng để chỉ một hành động đã xảy ra trước thời điểm nói còn "just" là để chỉ một hành động vừa mới xảy ra rất gần thời điểm nói.

Có thể thấy, mười kiểu phụ ngữ tình thái được sử dụng đều có những ảnh hưởng nhất định về ý nghĩa của câu. Tuy nhiên, ở đây tác giả chỉ mới bàn về ba kiểu được sử dụng nhiều nhất cũng như đưa ra một vài ví dụ tiêu biểu để phân tích cụ thể. Các phụ ngữ tình thái khi được sử dụng đều nhằm mục đích thể hiện nhận định hay đánh giá của người phát ngôn với nội dung phán đoán mà họ đưa ra.

5. Kết luận

Geoff Thompson (1996) cho rằng, tình thái là một khía cạnh vô cùng phức tạp trong ngữ pháp tiếng Anh. Do vậy, để nghiên cứu kĩ lưỡng về vấn đề này cần rất nhiều thời gian và

công sức. Nghiên cứu này hi vọng đã đóng góp một phần nhỏ trong việc nghiên cứu tình thái tiếng Anh trong các bài phát biểu cụ thể. Tuy vậy, trong khuôn khổ bài viết, tác giả mới chỉ tập trung vào tìm hiểu sự thể hiện của tình thái hóa qua phụ ngữ tình thái trong năm bài phát biểu của các diễn giả nói tiếng Anh mà chưa đi sâu vào các vấn đề khác liên quan đến tình thái. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng, tình thái hóa trong các phán đoán của các bài phát biểu được thể hiện thông qua mười kiểu phụ ngữ tình thái. Trong đó ba kiểu được sử dụng nhiều nhất là phụ ngữ tình thái thường xuyên, cường độ và thời gian. Sự vận dụng khéo léo và linh hoạt các phụ ngữ tình thái giúp các phát ngôn thể hiện quan điểm hay thái độ của người nói đối với nội dung mà họ muốn truyền đạt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Halliday, M. A. K. (2012), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*. Hoàng Văn Vân dịch. Hà Nội: NXB ĐHQG.
- Halliday, M. A. K. (1985), *An introduction to functional grammar*. London: Arnold.
- Halliday, M. A. K. (1994), *An introduction to functional grammar*. London: Arnold.
- Thompson, G. (1996), *Introducing functional grammar*. London: Arnold.
- Gates, B. (2007), *Remarks of Bill Gates - Harvard commencement 2007*, <http://news.harvard.edu/gazette/story/2007/06/remarks-of-bill-gates-harvard-commencement-2007/>
- Jobs, S. (2005), *'You've got to find what you love'*, Jobs says, <http://news.stanford.edu/news/2005/june15/jobs-061505.html>.
- Kingsolver, B. (2008), *2008 commencement address by Barbara Kingsolver*, <http://today.duke.edu/2008/05/kingsolver.html> truy cập ngày 10 tháng 12 năm 2014.
- Obama, B. (2009), *Obama's commencement address at Arizona State University*, http://www.nytimes.com/2009/05/13/us/politics/13obama.text.html?pagewanted=all&_r=0 truy cập ngày 10 tháng 12 năm 2014.
- Rowling, J. K. (2008), *Text of J. K. Rowling's speech*, <http://news.harvard.edu/gazette/story/2008/06/text-of-j-k-rowling-speech/> truy cập ngày 10 tháng 12 năm 2014.